

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ PHỎNG VẤN THỰC HÀNH
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN DANH NINH**

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp		Xếp loại tốt nghề nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí dăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghề nghiệp	ĐTB toàn khoa (= (15*10+16* 10) hoặc 15*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (=(18+19)* 2)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	162	Phan Thị Thanh Danh	16/10/1989	Đắk Lắk	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	Anh B	B		Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,47		129,4	18,5	50	137	266,4		
2	161	Nguyễn Trung Uy	10/01/1985	Đắk Lắk	Đại học	Toán-Tin học	Trung bình	TOEFL ITP 420	B	NVSP	Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,54		130,8	16	47	126	256,8	Thạc sĩ Toán Giải tích- ĐH KHTN PHCM	
3	160	Vũ Xuân Hòa	05/08/1988	Nam Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	B		Giáo viên Toán	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,73		134,6	Vắng	Vắng	Vắng	134,6		
4	169	Võ Thị Kim Hoàng	1989	Đồng Tháp	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Khá	B1	B		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	7,11		142,2	15,5	59,67	150,34	292,54	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý Đại học Vinh	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khoa (= (15*10+16*10) hoặc 15*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức thực hành	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (=(18+19)*2)			
5	167	Phạm Thị Hà	02/07/1994	Nam Định	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Xuất sắc	Anh C	B		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	8,5		170	19	40,67	119,34	289,34		
6	164	Nguyễn Xuân Hòa	22/11/1992	Long An	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Khá	Anh B	A		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	7,45		149	22,5	41	127	276		
7	166	Nguyễn Thị Lý	05/12/1982	Nghệ An	Đại học	Vật lý	Trung bình Khá	Anh B1	B	NVSP	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,96		139,2	20,5	37,67	116,34	255,54	Thạc sĩ Quang học Đại học Vinh	
8	165	Trần Thị Huyền Trang	25/05/1990	Ninh Bình	Đại học	Vật lý	Khá	Anh B	B	NVSP	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,95		139	14,5	23,67	76,34	215,34		Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
9	163	Trần Duy Trinh	25/10/1994	Nam Định	Đại học	Vật lý	Trung bình	Anh B	B	NVSP	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,35		127	18	23	82	209	Con bệnh bình hạng 2/3	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp		Xếp loại tốt nghề nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghề nghiệp	ĐTB toàn khoa (= 15*10+16* 10) hoặc 15*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (=(18+19)* 2)			
10	168	Trình Thị Bê Chinh	18/03/1987	Kiên Giang	Đại học	Sư phạm Vật lý	Trung bình Khá	Anh B	B		Giáo viên Vật lý	Trường THCS Trần Danh Ninh	Giáo viên trung học cơ sở	6,86		137,2	Vắng	Vắng	Vắng	137,2		



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÒNG
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG PHÒNG GDĐT QUẬN 8
Đương Văn Dân

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ PHÒNG VẤN THỰC HÀNH
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÙNG THIÊN VƯƠNG**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khoá (= (15*10+16*10) hoặc 15*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (= (18+19)* 2)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	172	Nguyễn Thị Nga	22/01/1992	Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	A		Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.49		149,8	18	65	166	315,8		
2	170	Võ Thị Ngân	02/03/1993	Hà Tĩnh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B		Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.81		156,2	17	24,33	82,66	238,86		Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
3	171	Nguyễn Tiến Lực	26/3/1989	Quảng Bình	Đại học	Ngữ văn	Khá	Anh B	B	NVSP	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.19		143.8	15.5	20	71	214.8		Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
4	173	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	20/01/1985	Long An	Đại học	Ngữ văn	Trung bình khá	Anh B	A	NVSP	Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	6.78		135.6	15	25	80	215.6		Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
5	174	Lưu Phương Nam	20/03/1990	Đồng Tháp	Đại học	Công nghệ Sinh học	Khá	Anh C	A	NVSP	Giáo viên Sinh	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7.2		144	15.5	59,33	149,66	293,66		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghề nghiệp		Xếp loại tốt nghề nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghề nghiệp	ĐTB toàn khoa (= (15*10+16* 10) hoặc 15*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTN (=(18+19)* 2)			
6	175	Lê Hữu Thông	24/12/1994	Thanh Hoà	Cao đẳng	Sư phạm Hóa Sinh	Trung bình	Anh B	A		Giáo viên Sinh	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	6,33		126,6	15	49,67	129,34	255,94		
7	176	Võ Thị Mỹ Trang	15/6/1992	Quảng Trị	Đại học	Giáo dục chính trị	Khá	Anh B	A		Giáo viên GDGD	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7,45		149	15	65,33	160,66	309,66		
8	177	Huỳnh Văn Toàn	01/05/1990	Long An	Cao đẳng	Giáo dục công dân	Giỏi	Anh B	A		Giáo viên GDGD	Trường THCS Tùng Thiện Vương	Giáo viên trung học cơ sở	7,77		155,4	Vắng	Vắng	Vắng	155,4		



TRƯỞNG PHÒNG GDĐT QUẬN 8
Dương Văn Dân

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ PHÒNG VẤN THỰC HÀNH
XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH AN**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ		Xếp loại tốt nghiệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Ghi chú
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghiệp	ĐTB toàn khoa (= (15*10+16*10) hoặc 15*2*10)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (= (18+19)*2)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1	178	Nguyễn Thị Minh Tinh	15/3/1992	Quảng Ngãi	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Khá	Anh B	B		Giáo viên Ngữ Văn	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7,45		149	15	22,67	75,34	224,34		Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
2	179	Ninh Thị Huyền	10/09/1991	Thái Bình	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Khá	Anh B	B		Tổng phụ trách Đội	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7,83		156,6	15	53	136	292,6		
3	180	Từ Thị Ngân	14/7/1988	Hà Nam	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B1	B		Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7,29		145,8	14,5	23,33	75,66	221,46	Thạc sĩ Đại học Sư phạm Hà Nội	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
4	183	Lê Đức Mạnh	14/02/1991	Bình Định	Đại học	Sư phạm Toán học	Trung bình khá	B1	B		Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	6,82		136,4	17	23	80	216,4	Thạc sĩ Hình học và Topo Đại học Sư phạm TPHCM	Không đủ điều kiện xét tuyển do điểm phỏng vấn, thực hành dưới 50 điểm
5	182	Lê Thị Hương	22/12/1993	Hà Nam	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Khá	Anh B	A		Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7,51		150,2	18	66,33	168,66	318,86		

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	nghịệp vụ		Xếp loại tốt nghịệp	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học	Chứng chỉ Sư phạm	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển			Điểm học tập (điểm tối đa 200 điểm)			Điểm phỏng vấn (tối đa 200 điểm)			Tổng cộng điểm (=17+20)	Văn bằng khác	Gh
					Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành					Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị dự tuyển	Tên chức danh nghề nghịệp	Điểm trung bình môn học	Điểm trung bình tốt nghịệp	ĐTB toàn khoa (= $(15 \cdot 10 + 16 \cdot 10) \text{ hoặc } 15 \cdot 2 \cdot 10$)	Điểm phỏng vấn kiến thức chung	Điểm thực hành	Tổng điểm PVTH (= $(18 + 19) \cdot 2$)			
6	181	Bùi Thị Khuyên	24/01/1995	Hà Nam	Cao đẳng	Sư phạm Toán- Lý	Khá	Anh B	B		Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	7,19		143,8	18	24	84	227,8		Không đủ xét tuyển d phỏng vấn, hành dưới
7	184	Đỗ Anh Tuấn	01/02/1987	TPHCM	Cao đẳng	Sư phạm Toán học	Trung bình	Anh B	B		Giáo viên Toán	Trường THCS Bình An	Giáo viên trung học cơ sở	6,21		124,2	16	22	76	200,2		



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÒNG
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG PHÒNG GDDT QUẬN 8

Dương Văn Dân